

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 311/2026/DS-PT
Ngày: 09/4/2026
V/v Tranh chấp hợp đồng hợp tác

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Nguyệt
Bà Hoàng Thị Hải Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phái là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trung Biền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 631/2025/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2025 “*Tranh chấp hợp đồng hợp tác*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2025/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cà Mau bị kháng nghị, kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐ-PT ngày 09 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Hợp tác xã D1.

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp N, xã N, tỉnh Cà Mau).

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn K – chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Ngô Thị B, sinh năm 1996.

Căn cước công dân: 095196006809.

Địa chỉ: Số D, L, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ hiện nay: Số G, đường Đ, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 06/10/2023).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Chí L, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp X, xã N, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp N, xã H, tỉnh Cà Mau.

2. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp N, xã H, tỉnh Cà Mau.

3. Ông Phạm Văn K1, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp M, xã N, thành phố Cần Thơ.

Do có kháng nghị của: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau.

Do có kháng cáo của bị đơn: Ông Nguyễn Chí L.

(Ông Nguyễn Văn K, bà Ngô Thị B, ông Nguyễn Chí L, ông Nguyễn Văn P, có mặt. Các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án (kể cả tại phiên tòa), bà Ngô Thị B đại diện nguyên đơn trình bày:

Sau khi trao đổi và thống nhất nên vào ngày 14/12/2021 Hợp tác xã (HTX) dịch vụ nông nghiệp D1 (gọi tắt là HTX D1) và ông Nguyễn Chí L đã ký Hợp đồng hợp tác trồng lúa số: 10/AK/DX21-22/HĐ-HTTL V/v Hợp tác trồng lúa đồng xuân năm 2021-2022.

Theo hợp đồng thì ông L ra diện tích đất trồng lúa 65 hecta (ông L có thể tự thuê đất hoặc hợp tác với các hộ nông dân khác để có đủ diện tích đất như thỏa thuận) đến cuối vụ, phía ông L sẽ giao cho HTX D1 số lúa là $5.250\text{kg/ha} \times 65\text{ha} = 341.250$ kg lúa ST25 (lúa tươi). Khi phía ông L giao đủ số lúa 341.250 kg lúa ST25 (lúa tươi) cho HTX D1 thì phía ông L sẽ được nhận lợi nhuận là 11.938.461,5 đồng/ha. Phía HTX D1 sẽ cung cấp, đầu tư vật tư nông nghiệp (lúa giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) và dịch vụ nông nghiệp (tất cả các chi phí để canh tác lúa) cho phía ông L. Cuối vụ HTX D1 sẽ được nhận của ông L số lúa là $5.250\text{kg/ha} \times 65\text{ha} = 341.250$ kg lúa ST25 (lúa tươi).

Theo hợp đồng, thì vật tư nông nghiệp và dịch vụ mà HTX D1 sẽ phải cung ứng cho ông L cụ thể như sau:

+ Thuốc bảo vệ thực vật thì tùy theo tình hình dịch hại thực tế mà HTX cung cấp cho phía ông L. Cụ thể: Trong quá trình canh tác nếu có dịch hại xảy ra thì HTX mới cung cấp thuốc bảo vệ thực vật. Nếu diện tích lúa bị sâu, bệnh bao nhiêu HTX đều sẽ cung cấp toàn bộ, đầy đủ thuốc bảo vệ thực vật (không giới hạn số lần phun xịt, số lượng thuốc) để phun cho lúa đến khi lúa sạch sâu, bệnh.

+ Phân bón cho lúa: Phân bón thì HTX ấn định số lần bón cho 01 vụ mùa, số lượng phân bón/công/lần là bao nhiêu và bón phân gì thì HTX quyết định và cung cấp đầy đủ cho phía ông L.

+ Dịch vụ sản xuất lúa (tất cả các chi phí để canh tác lúa): HTX sẽ chi trả tất

cả các phần chi phí cần thiết cho việc canh tác 01 vụ lúa từ khâu chuẩn bị gieo sạ đến khi thu hoạch, bao gồm máy cắt. Cụ thể gồm các loại chi phí sau:

STT	THÔNG TIN CHI TIẾT	Diện tích (ha)	Đơn Giá (VND/ha)	TỔNG CỘNG
1	Công dọn bờ, đắp bờ	65	461.539	30.000.035
2	Công đánh đường nước	65	153.847	10.000.055
3	Công ngâm giống	65	153.847	10.000.055
4	Công sạ lúa	65	307.693	20.000.045
5	Công làm đất	65	1.153.847	75.000.055
6	Công dặm lúa	65	923.077	60.000.005
7	Công tự phun thuốc	65	192.308	12.500.020
8	Công bón phân	65	461.539	30.000.035
9	Công thu hoạch	65	2.307.693	150.000.045
10	Công chăm sóc	65	769.231	50.000.015
11	Lợi nhuận cố định (tiền lời khi ND giao đủ 5.250kg/ha)	65	11.938.461,5	775.999.998
Tổng cộng				1.223.500.363

Tất cả các chi phí trên sẽ chia ra 2 đợt, đợt 1 là các chi phí đầu vụ, còn lại là tiền máy cắt sẽ thanh toán vào cuối vụ bao gồm tiền lợi nhuận.

Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 10 năm 2023 nguyên đơn xác định: Quá trình thực hiện hợp đồng, HTX D1 đã cung cấp, đầu tư cho ông L những khoản sau: Lúa giống ST25 4.200kg x 20.000^d/kg = 84.000.000 đồng; Tiền vật tư (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) là 766.662.505 đồng; Tiền drone (phun thuốc bằng máy bay) là 23.297.000 đồng; Tiền chi tạm ứng 668.674.800 đồng (bao gồm chuyển khoản và tiền mặt). Tổng số tiền HTX D1 đã đầu tư, chi cho ông L là 1.542.634.305 đồng.

Đến khi thu hoạch lúa, HTX D1 và ông L chốt giá thu mua lúa ST25 tại thời điểm thu hoạch lúa đợt 1 (vụ mùa đông xuân năm 2021 - 2022) là 7.200^d/kg. Năng suất lúa của diện tích đất mà ông L hợp tác với HTX D1 đạt trung bình trên 5.250kg/ha nhưng ông L chỉ giao cho HTX D1 103.269kg lúa ST25 (lúa tươi) x 7.200đồng/kg = 743.057.900 đồng, số lúa còn lại ông L bán cho người khác mà không giao đủ cho HTX D1. Như vậy, ông Nguyễn Chí L chưa giao cho HTX D1 237.981kg x 7.200đồng/kg = 1.713.463.200 đồng. HTX D1 đã đòi nhiều lần nhưng

ông L không trả. Sau đó, HTX D1 sợ ông L không có khả năng thanh toán nên đã chủ động thỏa thuận lại với ông L tại Ủy ban nhân dân xã N là sẽ lấy tổng số tiền đã đầu tư cho ông L trừ đi số tiền lúa mà ông L đã giao cho HTX D1 còn lại bao nhiêu thì ông L phải trả lại cho HTX D1 (1.542.634.305 đồng - 743.057.900 đồng = 799.576.405 đồng). Ông L đã thống nhất nhưng vẫn không trả tiền nên HTX D1 khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ông Nguyễn Chí L trả lại số tiền chi phí mà HTX D1 đã đầu tư cho ông Nguyễn Chí L là 799.576.405 đồng. Ngoài ra, không còn yêu cầu nào khác.

Vào ngày 05 tháng 8 năm 2025 nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn xác định do tính toán nhầm nên tại đơn khởi kiện đã yêu cầu bị đơn trả số tiền 799.576.405 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 799.579.905 đồng (tổng đầu tư 1.542.634.305 đồng – 743.054.400 đồng).

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền mà HTX D1 đã đầu tư cho ông L là 586.613.890 đồng và xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền chênh lệch giữa yêu cầu khởi kiện tại đơn khởi kiện so với yêu cầu tại phiên tòa là 212.966.015 đồng. Bởi vì, nguyên đơn xác định số tiền đã chi tạm ứng cho ông L là 668.674.800 đồng (bao gồm chuyển khoản và tiền mặt) và giữ nguyên số tiền yêu cầu này; Tiền lúa giống ST25 84.000.000 đồng (4.200kg x 20.000^d/kg) nguyên đơn giữ nguyên số tiền yêu cầu này; Tiền phân bón 23.500kg = 517.250.000 đồng (trong đó gồm: Phân Đạm black 10.200kg x 20.000^d/kg; phân Dap 8.650kg x 26.000^d/kg; phân Kali 4.650kg x 19.000^d/kg) nguyên đơn giữ nguyên số tiền yêu cầu này. Tiền thuốc bảo vệ thực vật Hợp tác xã An Khang xin rút lại một phần, nay chỉ yêu cầu với số tiền là 59.743.490 đồng. Tiền phun thuốc bằng Drone 23.297.000 đồng nguyên đơn xin rút lại yêu cầu đối với số tiền này. Như vậy, HTX D1 xác định tổng số tiền đầu tư cho ông L là 1.329.668.290 đồng (ít hơn so với yêu cầu khởi kiện ban đầu là 212.966.015) – số tiền lúa ông L đã giao cho HTX D1 là 743.054.400 đồng = **586.613.890 đồng**.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Chí L trình bày:

Ông L xác định ngày 14/12/2021 ông với HTX D1 có ký kết hợp đồng hợp tác trồng lúa số 10/AK/DX21-22/HĐ-HTTL v/v Hợp tác trồng lúa đông xuân năm 2021-2022 đối với giống lúa ST25.

Về hình thức bao tiêu lợi nhuận HTX D1 cam kết cung cấp toàn bộ vật tư nông nghiệp và các dịch vụ khác như: sạ lúa, phun thuốc, rải phân... cho 65ha (tương đương 500 công tầm cây) cho đến khi thu hoạch. Trong đó, ông sẽ giao lại sản lượng lúa là 656kg/công x 500công = 328tấn. Ban đầu HTX D1 cung cấp giống và các loại phân đầu vụ một lần cho dân (có làm biên nhận) còn lại các loại thuốc đầu vụ và máy bay sạ lúa, phun thuốc, sạ lúa... không thực hiện đúng theo thỏa thuận ban đầu; bên HTX D1 cho rằng nếu không thực hiện kịp thì cho nông dân tự thuê và HTX D1 chỉ trả lại theo giá thị trường.

Khi thỏa thuận xong, bên phía nông dân xuống giống 65ha, trong đó HTX An Khang thực hiện sạ bằng máy bay 50 công, phun thuốc bằng máy bay 100 công, rải phân bằng máy bay 50 công. Còn lại nông dân tự thuê làm như: sạ lúa, giải phân, phun thuốc...

Gần đến ngày thu hoạch ông Phạm Văn K1, nhân viên HTX D1 có đến thăm đồng và hứa hẹn ngày chốt giá, nhưng ông K1 không báo cáo về ông L vấn đề đó, đến khi chốt giá nông dân không bán cho bên HTX D1 (hộ ông Trần Văn Đ). Đến khi thu hoạch HTX D1 cho người là ông Phạm Văn K1 vô lấy lúa, lúc đầu ông K1 cân lúa xong thì tự trả tiền trong dân hoặc chuyển tạm ứng trước cho ông L trả dân. Bên HTX D1 chỉ thực hiện đầu tư theo đúng như thỏa thuận trong hợp đồng được có 100 công/500 công.

Trên cơ sở Hợp đồng bao lợi nhuận quy định thì HTX D1 đã thực hiện không đúng theo cam kết ban đầu và đã vi phạm hợp đồng với các nội dung sau: Không tạm ứng tiền kịp thời cho nông dân; Thuốc đầu vụ cung cấp trễ và một số thuốc không có (thuốc ốc, diệt mầm...; V nông dân cân lúa mà không có người đại diện hợp đồng (Hộ ông Trần Văn D, ông Đặng Văn T, ông Nguyễn Văn K2).

HTX D1 không thực hiện đúng theo hợp đồng cho nên làm cho ông L thiệt hại về kinh tế với các khoản như sau: Sạ lúa: nông dân tự mướn 450 công x 60.000đ/công = 27.000.000đ; Phun thuốc: nông dân tự thuê mướn 7 lần/vụ x 1.5 x 40.000đ/công = 104.800.000đ; Rải phân: nông dân tự mướn 450 công x 4 lần/vụ x 30.000đ = 54.000.000đ; Thu hoạch: giá chênh lệch 50.000đ x 500 công = 25.000.000đ; Các loại thuốc: HTX D1 cung cấp còn thiếu 400 x 1.500.000đ/công = 600.000.000đ. Tổng các khoản HTX D1 phải chi cho nông dân nếu giao đúng Hợp đồng = 810.000.000 đồng nhưng ông L không có yêu cầu HTX D1 bồi thường.

Tại bảng kê “*Bảng tổng hợp danh mục HTX D1 cung cấp theo hợp đồng số 10/AK/DX 21-22 ký ngày 14/12/2021*” do ông L tự lập và giao nộp cho cơ quan điều tra Công an huyện H, ông L xác định có nhận đầu tư của HTX An Khang các khoản như sau: Phân Ure (B2), DAP nâu, K3 bằng số tiền 40.800.000 đồng; tiền thuốc bảo vệ thực vật bằng số tiền 59.743.490 đồng; Tiền lúa giống ST25 4.000kg x 20.000 đồng/kg = 80.000.000 đồng; Tiền lúa giống 82.193.559 đồng; tiền lúa L1 trời 28 là 24.379.200 đồng; tiền chi tạm ứng 668.674.800 đồng. Số lúa ông K giao cho HTX D1 là 103.202kg x 7.200 đồng/kg = 743.054.400 đồng.

Vụ lúa đó sản lượng lúa thu hoạch được trung bình từ 650kg trở lên/công nhưng vì HTX D1 đầu tư không đủ, không đúng như thỏa thuận của hợp đồng nên khi thu hoạch lúa ông L chỉ giao cho HTX D1 103.202kg lúa ST25 (lúa tươi), hai bên thống nhất giá lúa thu mua theo thị trường tại thời điểm mua là 7.200 đồng/kg bằng tiền là 743.054.400 đồng. Ngoài ra, ông L không có yêu cầu gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P trình bày:

Ông P là Giám đốc Hợp tác xã D1 (gọi tắt là HTX D1), anh Nguyễn Văn K là Chủ tịch Hội đồng quản trị Hợp tác xã D1. Anh K là người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã D1.

Vào ngày 14/12/2021 Hợp tác xã D1 với ông Nguyễn Chí L ký kết hợp đồng hợp tác trồng lúa số 10/AK/DX21-22/HĐ-HTTL V/v Hợp tác trồng lúa đông xuân năm 2021-2022. Theo hợp đồng thì: Phía ông Nguyễn Chí L cung cấp 65 ha đất

nông nghiệp (đất trồng lúa nước, ông L có thể tự thuê đất hoặc hợp tác với các hộ nông dân khác để có đủ diện tích đất như thỏa thuận). Phía HTX D1 sẽ cung cấp, đầu tư vật tư nông nghiệp (Lúa giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và dịch vụ nông nghiệp). Cuối vụ, nông dân sẽ giao lúa cho HTX D1 và HTX D1 sẽ trả lợi nhuận cho nông dân. Cụ thể: Khi thu hoạch lúa, phía ông Nguyễn Chí L phải giao cho HTX D1 số lượng lúa theo cam kết là $5.250 \text{ kg/ha} \times 65 \text{ ha} = 341.250 \text{ kg}$ lúa ST25 (lúa tươi). Nếu phía ông L giao đủ 341.250 kg lúa ST25 cho HTX D1 thì thanh toán đủ lợi nhuận theo hợp đồng. Nếu vì điều kiện khách quan mà năng suất của 65 ha lúa này không đạt sản lượng 341.250 kg lúa ST25 để giao cho HTX D1 thì HTX D1 sẽ không thanh toán đủ lợi nhuận theo hợp đồng. Nếu năng suất của 65 ha lúa này vượt sản lượng 341.250 kg lúa ST25 để giao cho HTX D1 thì HTX An Khang thu mua lượng lúa vượt theo giá thỏa thuận hoặc nông dân được quyền bán cho người khác.

Đến khi thu hoạch lúa, thì năng suất lúa của diện tích đất mà ông L hợp tác với HTX D1 trung bình trên 5.250kg/ha nhưng ông L chỉ giao cho HTX D1 chỉ 103.269 kg lúa tươi. Theo hợp đồng thì ông L còn nợ HTX D1 số lúa 237.981 kg lúa tươi. HTX D1 và ông L chốt giá thu mua lúa ST25 tại thời điểm thu hoạch lúa (vụ mùa đông xuân năm 2021 - 2022) là 7.200^d/kg.

Như vậy: Tổng số lúa ông L đã giao cho HTX D1 tương đương số tiền là: $103.269 \text{ kg} \times 7.200^{\text{d}}/\text{kg} = 743.536.800$ đồng. Tổng số lúa ông L còn nợ HTX D1 tương đương số tiền là: $237.981 \text{ kg} \times 7.200^{\text{d}}/\text{kg} = 1.713.463.200$ đồng.

Sau khi ông L vi phạm hợp đồng thì HTX D1 đã chủ động thỏa thuận lại với ông L về việc tính tất cả các khoản đầu tư cho hợp tác trồng lúa và sản lượng lúa đã giao cho HTX D1 để thu hồi phần tiền mà HTX D1 đã chi tạm ứng. Cụ thể như sau: Tổng số tiền HTX D1 đã đầu tư: 1.542.634.305 đồng. Tổng tiền lúa ông L đã giao: 743.057.900 đồng. Số tiền HTX D1 yêu cầu thanh toán lại: 799.576.405 đồng. Điều này được thống nhất giữa HTX D1 và ông L tại buổi làm việc ở Ủy ban nhân dân xã N (Ủy ban xã không tổ chức hòa giải mà các bên đương sự chúng tôi tự hòa giải với nhau nên không có biên bản hòa giải). Nhưng sau đó, ông L lại cố ý không thực hiện nghĩa vụ với HTX D1 nên HTX D1 đã khởi kiện ông L đến Tòa án.

Yêu cầu khởi kiện của HTX D1 là: Yêu cầu ông Nguyễn Chí L trả lại toàn bộ chi phí mà HTX D1 đã đầu tư sau khi trừ đi số tiền lúa mà ông L đã giao cho HTX D1 với số tiền là: 799.576.405 đồng theo Hợp đồng hợp tác trồng lúa, số: 10/AK/DX21-22/HĐ-HTTL ngày 14/12/2021 giữa HTX D1 và ông Nguyễn Chí L.

Trong những lần chuyển tiền của Hợp tác xã D1 đầu tư cho ông L theo hợp đồng hợp tác trồng lúa nói trên ông P có dùng số tài khoản ngân hàng của ông O mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần N1 (V1), cụ thể vào các ngày sau: ngày 29/01/2022 số tiền 90.000.000 đồng; ngày 31/01/2022 số tiền 15.000.000 đồng; ngày 14/02/2022 số tiền 13.000.000 đồng; ngày 15/3/2022 số tiền 190.000.000 đồng (có sao kê giao dịch chuyển khoản kèm theo). Số tiền này là tiền của Hợp tác xã D1 mượn tài khoản ngân hàng của ông P chuyển tạm ứng cho ông L để đầu tư thực hiện hợp đồng hợp tác giữa HTX D1 với ông L chứ không phải tiền của cá

nhân ông P. Do đó, ông P không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với số tiền này. Ông P đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Đồng thời ông P xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, ông P xác định số lúa ông L giao cho HTX D1 là 103.202kg. Ngoài ra, ông P không có yêu cầu gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Yến N trình bày:

Chị N và ông Nguyễn Văn P là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn. Ông Nguyễn Văn P là Phó Giám đốc HTX D1.

Ngày 08/3/2022 và 14/3/2022, ông Nguyễn Văn P có nhờ chị N chuyển cho số tiền: 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) với nội dung chuyển là “*chuyển tạm ứng tiền lúa Chí L*”. Vì là vợ chồng với nhau nên chị không hỏi gì về số tiền này và đã chuyển theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn P đủ số tiền là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

Ngày 02/10/2023, Hợp tác xã D1 khởi kiện ông Nguyễn Chí L và đã được thụ lý giải quyết tại Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cà Mau về việc: “*Tranh chấp Hợp đồng hợp tác*” giữa nguyên đơn là Hợp tác xã D1 và bị đơn là ông Nguyễn Chí L. Theo đó, Hợp tác xã D1 yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 9 xem xét, giải quyết: “*Buộc ông Nguyễn Chí L trả lại toàn bộ chi phí mà HTX D1 đã đầu tư với số tiền là: 792.186.405 đồng (Bảy trăm chín mươi hai triệu một trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm lẻ năm đồng chẵn) theo Hợp đồng hợp tác trồng lúa, số: 10/AK/DX21-22/HD-HTTL ngày 14/12/2021 giữa HTX D1 và ông Nguyễn Chí L.*”

Nay bằng văn bản này, chị N không có yêu cầu gì trong vụ kiện này vì số tiền này là của Hợp tác xã D1 thanh toán tiền cho ông Nguyễn Chí L theo Hợp đồng hợp tác trồng lúa, số: 10/AK/DX21-22/HD-HTTL ngày 14/12/2021 giữa HTX D1 và ông Nguyễn Chí L. Chị N chỉ chuyển tiền cho ông Nguyễn Chí L do ông Nguyễn Văn P (chồng chị) nhờ chuyển dùm Hợp tác xã D1. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn K1 trình bày:

Ông K1 là nhân viên của Hợp tác xã D1 (gọi tắt là HTX D1), anh Nguyễn Văn K là Chủ tịch Hội đồng quản trị, anh Nguyễn Văn P là Giám đốc Hợp tác xã D1. Anh K là người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã D1.

Anh K1 làm việc tại hợp tác xã D1 từ đầu năm 2020 đến hết năm 2022. Vào khoảng giữa tháng 10/2021 anh K1 có gặp trực tiếp ông Nguyễn Chí L tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã N, tỉnh Cà Mau) để trao đổi nội dung triển khai hợp tác trồng lúa bao lợi nhuận vụ đông xuân 2021-2022 với loại giống lúa ST25. Sau khi bàn bạc các bên thống nhất và đến ngày 14/12/2021 Hợp tác xã D1 với ông Nguyễn Chí L ký kết hợp đồng hợp tác trồng lúa số 10/AK/DX21-22/HD-HTTL v/v Hợp tác trồng lúa đông xuân năm 2021-2022. Theo hợp đồng thì: Phía ông Nguyễn Chí L cung cấp 65 ha đất nông nghiệp (đất trồng lúa nước, ông L có thể tự thuê đất hoặc hợp tác với các hộ nông dân khác để có đủ diện tích đất như thỏa thuận). Phía HTX D1 sẽ cung cấp, đầu tư vật tư nông

nghiệp (Lúa giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và dịch vụ nông nghiệp). Cuối vụ, nông dân sẽ giao lúa cho HTX D1 và HTX D1 sẽ trả lợi nhuận cho nông dân. Cụ thể: Khi thu hoạch lúa, phía ông Nguyễn Chí L phải giao cho HTX D1 số lượng lúa theo cam kết là $5.250 \text{ kg/ha} \times 65 \text{ ha} = 341.250 \text{ kg}$ lúa ST25 (lúa tươi). Nếu phía ông L giao đủ 341.250 kg lúa ST25 cho HTX D1 thì thanh toán đủ lợi nhuận theo hợp đồng. Nếu vì điều kiện khách quan mà năng suất của 65 ha lúa này không đạt sản lượng 341.250 kg lúa ST25 để giao cho HTX D1 thì HTX D1 sẽ không thanh toán đủ lợi nhuận theo hợp đồng. Nếu năng suất của 65 ha lúa này vượt sản lượng 341.250 kg lúa ST25 để giao cho HTX D1 thì HTX An Khang thu mua lượng lúa vượt theo giá thỏa thuận hoặc nông dân được quyền bán cho người khác.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông K1 có 02 lần được đại diện hợp tác xã D1 giao nhiệm vụ đi giao tiền tạm ứng lợi nhuận cố định cho ông Nguyễn Chí L trong hợp đồng hợp tác trồng lúa nói trên. Cụ thể vào ngày 08/4/2022 với số tiền là 172.109.800 đồng và ngày 31/3/2022 số tiền là 21.175.000 đồng (giao tiền mặt trực tiếp cho ông L ký nhận). Ngoài ra, tôi còn là người được hợp tác xã D1 giao nhiệm vụ là người chịu trách nhiệm chính trong việc giao vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật,...) cho anh L trong hợp đồng hợp tác trồng lúa nói trên. Hợp tác xã có lập danh sách theo dõi các vật tư đã đầu tư cho ông L. Trong thời gian thực hiện hợp đồng ông K1 đã rất nhiều lần giao vật tư cho ông L. Hợp tác xã D1 đã giao đầy đủ, đúng và kịp thời các vật tư cho ông L để hợp tác sản xuất lúa theo hợp đồng hợp tác nói trên. Kết quả, năng suất lúa của diện tích đất mà ông L hợp tác với Hợp tác xã D1 đạt rất cao, trung bình trên 5.250kg/ha.

Đến khi thu hoạch lúa, thì năng suất lúa của diện tích đất mà ông L hợp tác với HTX D1 trung bình trên 5.250kg/ha nhưng ông L chỉ giao cho HTX D1 chỉ 103.269 kg lúa tươi. Theo hợp đồng thì ông L còn nợ HTX D1 số lúa 237.981 kg lúa tươi. HTX D1 và ông L chốt giá thu mua lúa ST25 tại thời điểm thu hoạch lúa (vụ mùa đông xuân năm 2021 - 2022) là 7.200^d/kg.

Như vậy: Tổng số lúa ông L đã giao cho HTX D1 tương đương số tiền là: $103.269 \text{ kg} \times 7.200^{\text{d}}/\text{kg} = 743.536.800$ đồng. Tổng số lúa ông L còn nợ HTX D1 tương đương số tiền là: $237.981 \text{ kg} \times 7.200^{\text{d}}/\text{kg} = 1.713.463.200$ đồng.

Hợp tác xã D1 đã nhiều lần yêu cầu ông L tiếp tục giao cho hợp tác xã D1 số lúa còn thiếu nhưng ông L không thực hiện, từ đó xảy ra tranh chấp.

Nay ông K1 xác định, số tiền tạm ứng lợi nhuận cố định mà ông đã trực tiếp giao tiền mặt cho ông Nguyễn Chí L trong hợp đồng hợp tác trồng lúa nói trên, vào ngày 08/4/2022 với số tiền là 172.109.800 đồng và ngày 31/3/2022 số tiền là 21.175.000 đồng là tiền của Hợp tác xã D1, không phải tiền của ông K1. Số vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật,...) ông K1 đã giao cho ông L là của Hợp tác xã D1, không phải tiền của ông. Do đó, ông K1 không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với số tiền và vật tư đó. Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Do ông K1 bận công việc nên không có thời gian nhiều để đến Tòa án, ông xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài ra, ông K1 không có yêu cầu gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2025/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025

của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cà Mau quyết định:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc rút lại yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vật tư, chi phí đầu tư trồng lúa là 212.966.015 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vật tư, chi phí đầu tư trồng lúa. Buộc bị đơn ông Nguyễn Chí L trả cho Hợp tác xã D1 số tiền 586.613.890 đồng.

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 06 tháng 10 năm 2025, bị đơn ông Nguyễn Chí L kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 23 tháng 10 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau kháng nghị, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, buộc ông Nguyễn Chí L trả cho Hợp tác xã D1 số tiền 106.163.890 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn ông Nguyễn Chí L thay đổi yêu cầu kháng cáo: Đối với số tiền 586.613.890 đồng mà cấp sơ thẩm đã tuyên buộc ông L trả cho HTX D1 thì ông L chấp nhận trả cho nguyên đơn số tiền 106.163.890 đồng, không đồng ý trả số tiền còn lại là 480.450.000 đồng.

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau giữ nguyên quyết định kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Kiểm sát viên không có ý kiến bổ sung thêm phần thủ tục tố tụng.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 278, 279, 289, 295, 298, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đình chỉ phần rút kháng cáo của ông Nguyễn Chí L; Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Chí L, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 72/2025/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Cà Mau theo hướng, buộc ông Nguyễn Chí L trả cho Hợp tác xã D1 số tiền 106.163.890 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về hình thức đơn kháng cáo và Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát, thời hạn kháng cáo được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Hợp tác xã D1 ông Nguyễn Văn K, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Ngô Thị B, bị đơn ông Nguyễn Chí L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P có mặt; các đương sự còn lại được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án.

[1.3] Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Chí L, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất có ký hợp đồng hợp tác trồng lúa số 10/AK/DX21-22-HĐ-HTTL ngày 14/12/2021 việc ký kết hợp đồng giữa các đương sự là tự nguyện, khi ký kết hợp đồng các đương sự đều có đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật. Cho nên hợp đồng này có hiệu lực pháp luật vì vậy buộc các bên giao kết hợp đồng phải thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại hợp đồng. Theo hợp đồng quy định nguyên đơn có nghĩa vụ cung cấp dịch vụ đầu tư chi phí sản xuất giống lúa ST25 vụ đông xuân năm 2021-2022 cho bị đơn. Nguyên đơn được quyền nhận lại sản lượng lúa sau thu hoạch là $5.250\text{kg/ha} \times 65\text{h} = 341.250\text{kg}$. Bị đơn được quyền nhận dịch vụ và chi phí đầu tư của nguyên đơn để sản xuất giống lúa ST25 vụ đông xuân năm 2021-2022 và khoản lợi nhuận cố định. Bị đơn có nghĩa vụ sản xuất giống lúa ST25 vụ đông xuân năm 2021-2022 trên diện tích 65ha và phải giao trả cho nguyên đơn số lúa tươi sau thu hoạch là $5.250\text{kg/ha} \times 65\text{h} = 341.250\text{kg}$.

Đối với khoản tiền chi tạm ứng là 668.674.800 đồng (bao gồm chuyển khoản và tiền mặt) mà nguyên đơn xác định đã chi cho ông L là phù hợp với chứng từ sao kê giao dịch ngân hàng và biên nhận tiền giữa HTX D1 với ông L. Đồng thời, phù hợp với sự thừa nhận của ông L tại tài liệu là “*Bảng tổng hợp danh mục HTX D1 cung cấp theo hợp đồng số 10/AK/DX 21-22 ký ngày 14/12/2021*” mà ông L đã tự lập và giao nộp cho cơ quan Điều tra Công an huyện H (Bút lục 83). Nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với số lượng lúa giống nguyên đơn xác định đã giao cho ông L $4.200\text{kg} \times 20.000\text{đồng/kg} = 84.000.000\text{đồng}$ nhưng theo tài liệu là “*Bảng tổng hợp danh mục HTX An Khang cung cấp theo hợp đồng số 10/AK/DX 21-22 ký ngày*

14/12/2021” mà ông L đã tự lập và giao nộp cho cơ quan Điều tra Công an huyện H (Bút lục 83) thì ông L thừa nhận có nhận số lúa giống là 4.000kg x 20.000 đồng/kg = 80.000.000 đồng. Nhưng nhân chứng ông Tạ Văn H xác nhận HTX D1 đã thuê ông trực tiếp bốc vác 4.200kg lúa giống ST25 để giao cho ông L. Nhưng nguyên đơn không cung cấp việc xuất hàng cũng như ký nhận hóa đơn của bị đơn, chỉ do nguyên đơn tự kê khai.

Đối với phân bón, nguyên đơn xác định đã giao cho ông L 03 loại phân Ure Black, DAP và K3 với số lượng 23.500kg = 517.250.000 đồng nhưng theo tài liệu là “*Bảng tổng hợp danh mục HTX An Khang cung cấp theo hợp đồng số 10/AK/ĐX 21-22 ký ngày 14/12/2021*” mà ông L đã tự lập và giao nộp cho cơ quan Điều tra (Bút lục 83) thì ông L thừa nhận có nhận số phân Ure B, DAP và K3 với số lượng 2.500kg = 40.800.000 đồng. Nhưng nhân chứng ông Huỳnh Văn P1 xác định ông L có thuê xe tải của ông nhận và chở phân bón của ông Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn K (HTX D1) về cho ông L nhưng lâu quá ông không nhớ số lượng bao nhiêu. Còn nhân chứng ông Tạ Văn H xác định ông được HTX D1 thuê vác phân bón, vác nhiều lần vào khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2021 đến khoảng tháng 4 năm 2022 dương lịch với tổng số lượng phân HTX D1 thuê vác là 23,5 tấn (23.500kg) để giao cho ông Nguyễn Chí L. Nhưng nguyên đơn không cung cấp việc xuất hàng cũng như ký nhận hóa đơn của bị đơn, chỉ do nguyên đơn tự kê khai.

Như vậy, tổng số tiền HTX D1 yêu cầu không được chấp nhận là $476.450.000đ + 4.000.000đ = 480.450.000đ$. Ông L chỉ phải trả cho HTX số tiền là $586.613.890đ - 480.450.000đ = 106.163.890đ$.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Chí L đồng ý trả cho HTX D1 số tiền là $586.613.890đ - 480.450.000đ = 106.163.890đ$, đình chỉ xét xử phần rút kháng cáo này của ông L, có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của ông L đối với số tiền 480.450.000đ.

[3] Xét kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với tiền tạm ứng và tiền thuốc bảo vệ thực vật, Hợp tác xã D1 cũng như ông Nguyễn Chí L thừa nhận đều phù hợp với nhau nên có cơ sở chấp nhận. Đối với số tiền phân bón, theo Hợp đồng hai bên ký kết tại Điều 5, nghĩa vụ của nông dân tại điểm c có ghi: Nhận vật tư nông nghiệp, ký biên nhận theo đúng quy định của Hợp tác xã; Phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 517.250.000 đồng. Phía nguyên đơn chỉ tự kê khai rồi yêu cầu bị đơn trả tiền nhưng không cung cấp việc xuất hàng cũng như ký nhận hóa đơn của phía bị đơn. Ngoài ra, còn có lời khai của hai nhân chứng là ông Huỳnh Văn P1 xác định ông L có thuê xe của ông P1 chở vật tư nhưng lâu quá không nhớ bao nhiêu; nhân chứng ông Tạ Văn H xác định Hợp tác xã có thuê ông H vác 23.500kg phân bón cho ông L từ tháng 12/2021 đến tháng 4/2022. Cấp sơ thẩm dựa vào bản tự khai và lời khai của 2 nhân chứng này để buộc ông L trả cho Hợp tác xã D1 số tiền 517.250.000 đồng là chưa đánh giá đúng nội dung giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền lúa giống ST 25. Hợp tác xã D1 yêu cầu ông L trả tổng số 4.200kg bằng số tiền 84.000.000 đồng. Tương tự như đối với phần phân bón, HTX

D1 tự kê khai và dựa trên lời khai của ông Tạ Văn H. Án sơ thẩm buộc ông L trả cho HTX là 84.000.000 đồng.

Căn cứ vào tài liệu hồ sơ vụ án, HTX D1 chưa cung cấp cho việc xuất hàng cũng như ký nhận hóa đơn của bị đơn đối với số tiền phân bón và lúa giống ST 25, nên kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự:

[5.1] Ông Nguyễn Chí L nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5.308.195 đồng.

[5.2] Nguyên đơn Hợp tác xã D1 nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 23.218.000 đồng.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Chí L, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 72/2025/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và 3 Điều 228; khoản 1 và 2 Điều 244; Điều 271; các điều 273, 278, 279 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280; 357; 468; 504; 510; 512 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc rút lại yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vật tư, chi phí đầu tư trồng lúa là 212.966.015 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vật tư, chi phí đầu tư trồng lúa. Buộc bị đơn ông Nguyễn Chí L trả cho Hợp tác xã D1 số tiền 106.163.890 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Nguyễn Chí L trả lại số tiền vật tư, chi phí đầu tư trồng lúa cho Hợp tác xã D1 số tiền 480.450.000 đồng.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong

tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

5.1. Ông Nguyễn Chí L có nghĩa vụ chịu án phí. Buộc ông Nguyễn Chí L nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5.308.195 (năm triệu ba trăm linh tám ngàn một trăm chín mươi lăm) đồng.

5.2. Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Buộc nguyên đơn Hợp tác xã D1 nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 23.218.000 (hai mươi ba triệu hai trăm mười tám ngàn đồng) đồng. Hợp tác xã D1 nộp tạm ứng án phí là 17.991.000 đồng theo biên lai thu số 0007297 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 - Cà Mau), Hợp tác xã D1 phải nộp thêm số tiền 5.227.000 (năm triệu hai trăm hai mươi bảy ngàn đồng) đồng.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa Phúc thẩm TANDTC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 9 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, THCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lệ Kiều